

Bản án số: 01 /2018/HSST

Ngày 02/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc

2. Ông Từ Minh Hải

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thăng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2017 và 02 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 87/2017/HSST, ngày 16 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Bùi Văn H, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: xã T, huyện L, tỉnh Bắc G.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không.

Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Bố đẻ: Bùi Văn T1, sinh năm 1968;

Mẹ đẻ: Lê Thị L1, sinh năm 1970;

Bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai;

Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: không;

Tiền án: Tại Bản án số 43/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h,p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS xử phạt Bùi Văn H 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện H chưa thi hành quyết định thi hành án phạt tù đối với bản án này.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2017 đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam “có mặt”

Bị hại:

Chị Bùi Thị N, sinh 1973 “có mặt”

Anh Lưu Hồng G, sinh 1967 “có mặt”

ĐTQ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Nguyễn Văn H, sinh 1981 “vắng mặt”

TQ: Thôn G1, Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn H biết gia đình cô họ là Bùi Thị N và chồng là Lưu Hồng G ở cùng thôn với H thường xuyên đi chợ buôn bán vắng nhà, nên H nảy sinh ý định vào nhà ông G trộm cắp tài sản để có tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 06 giờ ngày 02/9/2017, H đi bộ một mình từ nhà sang nhà anh G rồi quan sát thấy cửa chính nhà ông G khóa, không có ai ở nhà, ở sân phía trước cửa nhà có dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 98B1- 04584. H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. H đi vòng theo đường mòn phía sau nhà ông G rồi đi qua cửa lách ở giữa đầu hồi nhà bếp và nhà chính đi vào sân. Sau đó, H xuống cửa bếp lấy 01 thanh kim loại dài 30cm (là then cửa nhà bếp) rồi dùng thanh kim loại này đi lên đập khóa cửa nhà chính nhà ông G. Phá được cửa, H vào trong nhà rồi đi vào buồng ngủ của gia đình ông G lục tìm trong tủ treo quần áo thì thấy 01 đăng ký xe mô tô để trong túi chiếc áo rét. H lấy đăng ký xe đút vào túi quần đang mặc trên người rồi đi sang phía tủ gỗ đặt cạnh cửa sổ buồng ngủ thì phát hiện 01 chìa khóa xe mô tô trên mặt tủ. H cầm chiếc chìa khóa này và đút vào túi quần mục đích dùng để trộm cắp chiếc xe mô tô đang dựng ở ngoài sân. Quan sát thấy phía dưới tủ có 01 hộp đựng đồ, H lấy trong đó 02 chiếc cà lê bằng kim loại (một chiếc cỡ 32 và một chiếc cỡ 30) và 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 20 cm (loại kéo dùng để cắt cành vãi) rồi ra vị trí chiếc két sắt ở cạnh tủ treo quần áo. H dùng kéo và cà lê cậy phá két sắt mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Sau khi cậy được cửa két sắt mở ra, H lục tìm trong két nhưng không thấy tiền hay tài sản gì, chỉ có một số giấy tờ nên H không lấy. H vứt lại 02 chiếc cà lê vào hộp đựng đồ lúc trước và vứt chiếc kéo bằng kim loại ở nền nhà cạnh cửa gian buồng. Lúc này H thấy 01 quyển vở và 01 chiếc bút ở trên bàn trong buồng, H dùng bút viết vào vở dòng chữ: “Cô chú đừng báo công an, 5 ngày cháu mang tiền và xe về trả. Là cháu H, cháu đã lấy trộm, cháu xin cô chú”. Sau đó H đi ra vị trí chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 04584 đang dựng ở ngoài sân, dùng chiếc chìa khóa vừa lấy được trong nhà ông G để mở ổ khóa điện rồi nổ máy, mang xe đi tiêu thụ. H đi xe vừa trộm cắp được đến cửa hiệu cầm đồ Trung H do anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 ở thôn G1, thị trấn Đ, huyện L làm chủ để cầm cố chiếc xe. H nói với anh H “anh cầm cho em chiếc xe này”. Anh H hỏi xe có đăng ký không thì H bảo “xe của em, có đăng ký”, anh H xem đăng ký rồi đồng ý mua chiếc xe với số tiền 6.500.000 đồng. H nhận tiền rồi đã chi tiêu cá nhân hết 515.000 đồng, còn lại 5.985.000 đồng H vẫn giữ trên người.

Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày 02/9/2017, chị Bùi Thị N là vợ anh G phát hiện thấy H đang điều khiển chiếc xe mô tô của nhà mình ở khu vực chợ Cầu Bình, xã Bình Sơn, huyện L. Anh G đã làm đơn trình báo sự việc đến cơ quan công an để điều tra làm rõ.

Căn cứ các tài liệu thu thập được, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thi hành lệnh bắt khẩn cấp đối với H về hành vi trộm cắp tài sản, tang vật thu giữ số tiền 5.985.000 đồng tiền H vừa cầm cổ xe trộm cắp được và 01 điện T1ại Nokia 1202 màu xanh của H. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L đã tiến hành định giá, kết luận: chiếc xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 98B1 – 045.84 do H trộm cắp trị giá: 8.400.000 đồng; 01 khóa cửa bằng kim loại nhãn hiệu Fion và 01 kết sắt của hãng Việt Úc do H làm hư hỏng có tổng trị giá: 620.000 đồng.

Quá trình điều tra, Bùi Văn H đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình ông Lưu Hồng G như đã nêu ở trên. Ngoài ra, H còn khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 27/7/2017 đến ngày 31/8/2017, H đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tiền tại gia đình ông G với tổng số tiền là 38.700.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày 27/7/2017, H đi qua nhà ông G thấy cửa nhà khóa, không có ai ở nhà nên H nảy sinh ý định vào nhà ông G để trộm cắp tài sản. H đi vòng qua lối đường mòn phía sau nhà, qua vườn rồi vào sân qua cửa lách giữa đầu hồi nhà bếp và nhà chính. H lấy thanh kim loại là then cửa nhà bếp để phá khóa cửa nhà chính. Sau khi mở được cửa, H vào trong nhà rồi vào gian buồng, bật điện và lục tìm trong tủ treo quần áo thấy 01 chùm chìa khóa. H dùng chùm chìa khóa này để mở cánh cửa tủ gỗ ở cạnh cửa sổ trong buồng. Sau khi mở được cửa tủ, H lục tìm tài sản trong tủ và phát hiện thấy có rất nhiều tiền đựng trong 01 túi nilon. H mở túi nilon đựng tiền ra và rút ngẫu nhiên trong đó được số tiền 3.700.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền còn lại H để lại vị trí ban đầu rồi khóa tủ và cất chùm chìa khóa vào chỗ cũ. Sau đó H tắt điện, đi ra ngoài, khóa cửa chính lại như ban đầu rồi mang thanh sắt ra giấu ở bờ rào nhà ông G.

Lần 2: Khoảng 05 giờ ngày 28/7/2017, biết nhà ông G không có ai ở nhà nên H lại đến nhà ông G để trộm cắp tài sản. H đi vào nhà ông G theo lối vào như lần 1. H dùng thanh sắt giấu ở bờ rào hôm trước để phá cửa và tìm chìa khóa mở tủ trộm cắp tài sản như lần 1. Lần này H trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rồi đi ra và khóa cửa lại như cũ.

Lần 3: H không nhớ ngày cụ thể, chỉ nhớ cách lần 2 khoảng 5 -7 ngày, H lại đến nhà ông G để trộm cắp tài sản. Lần này, H tìm chìa khóa mở cửa tủ gỗ trộm cắp tiền như những lần trước nhưng không thấy chìa khóa, H đã dùng tay cạy cửa ngăn kéo tủ gỗ. Ngăn kéo mở ra, H tiếp tục dùng tay cạy miếng gỗ ngăn cách giữa ngăn kéo và ngăn tủ cạnh tạo thành lỗ trống rồi thò tay qua lỗ trống sang ngăn tủ cạnh để tìm kiếm tài sản. H phát hiện túi nilon đựng tiền vẫn để ở vị trí như những lần trước. H lấy hết số tiền trong túi ra và đếm được 5.700.000 đồng tiền Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam. H cầm hết số tiền, đóng ngăn kéo tủ rồi đi ra ngoài và khóa cửa lại như cũ.

Lần 4: H không nhớ ngày nào, H vẫn đến nhà ông G để trộm cắp tài sản như những lần trước. Lần này H không tìm chìa khóa mở tủ nữa mà thò tay qua lỗ thủng do H đã tạo ra từ lần trước để tìm kiếm tài sản trong ngăn tủ gỗ trong buồng nhà ông G. H tìm được 01 chiếc ví. H lấy chiếc ví này ra kiểm tra thì thấy có tiền. H lấy được trong đó số tiền 2.800.000 đồng rồi để ví lại trong tủ và đi ra ngoài, khóa lại cửa như cũ.

Lần 5: Khoảng 05 giờ ngày 28/8/2017, H vào nhà ông G như những lần trước. H tìm trong tủ treo quần áo ở trong buồng thì thấy có 01 chiếc chìa khóa ở trong túi quần treo trong tủ. H dùng chìa khóa này để mở két sắt để ở bên cạnh tủ quần áo thì thấy mở được. H thấy trong két sắt có tiền và nhẫn vàng. H không lấy vàng mà rút lấy ngẫu nhiên ở số tiền trong két được 15.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau đó H đóng két sắt, cất chìa khóa ở vị trí cũ rồi đi ra ngoài và khóa cửa lại. Sau khi lấy được tiền, H đi sang khu vực xóm Chẽ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc G. Tại đây H bỏ số tiền vừa trộm cắp được ra đếm lại thì phát hiện đã bị rơi mất số tiền 3.500.000 đồng.

Lần 6: Khoảng 05 giờ ngày 31/8/2017, H lại đến nhà ông G để trộm cắp tài sản và thực hiện các hành vi phá cửa, tìm chìa khóa, mở két sắt để lấy tiền như lần thứ 5. Lần này H cũng rút lấy ngẫu nhiên ở số tiền để trong két được 9.500.000 đồng. Sau khi lấy được tiền H lại đóng két sắt lại, cất chìa khóa, đi ra ngoài và khóa cửa như những lần trước.

Toàn bộ số tiền mất trộm cắp được ở các lần nêu trên, H khai do không có nghề nghiệp, không có thu nhập gì nên đã dùng chi tiêu cho cuộc sống của bản thân hết.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng H khai là tiền trộm cắp được tại nhà ông G và đã bị rơi khi đi sang khu vực xóm Chẽ, xã T, ngày 22/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã phối hợp với Công an xã T tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thấy .

Ngày 30/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L đã tiến hành xử lý vật chứng trả lại cho gia đình anh Lưu Hồng G 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B1 – 045.84 cùng giấy đăng ký xe, 01 két sắt và 01 tủ gỗ là vật chứng của vụ án. Anh G đã nhận lại số tài sản trên và không yêu cầu H pH bồi thường thiệt hại về tài sản do H đã làm hư hỏng. Đối với số tiền H đã trộm cắp, anh G không đề nghị giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Trung H, quá trình điều tra xác định anh H không biết chiếc xe do H mang đến cửa hàng của anh để cầm cố là xe trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Về trách nhiệm dân sự, anh H yêu cầu H pH trả lại cho anh số tiền mà anh đã trả cho H khi nhận cầm xe. Ngày 30/10/2017, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H số tiền đã thu giữ của Bùi Văn H do H cầm xe ở hiệu cầm đồ của anh H mà có. Anh H đã nhận số tiền trên và không có đề nghị gì thêm.

Đối với hành vi của Bùi Văn H phá hỏng kết sắt và tủ gỗ của gia đình anh Lưu Hồng G, quá trình điều tra xác định hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Các vật chứng còn lại của vụ án gồm: 01 điện T1ại Nokia 1202 màu xanh, 01 quyển sổ; 01 cà lê bằng kim loại cỡ 32 màu trắng, 01 cà lê bằng kim loại cỡ 30 màu trắng; 01 thanh kim loại màu đen dài 30cm, đường kính 1cm, 1 đầu cong, 1 đầu có 02 lỗ; 01 thanh sắt màu đen dài 15cm, đường kính 1,2cm, có 02 lỗ cách nhau 7cm; 01 khóa cửa kích thước 5x6cm bằng kim loại màu trắng, trên quả khóa có nhiều vết lõm, bẹp; 01 kéo bằng kim loại dài 20cm, chỗ rộng nhất 5cm, màu vàng, sáng, đen cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại Bản cáo trạng số 86/KSĐT ngày 16/11/2017 của VKSND huyện L đã truy tố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thực nghiệm lại hành vi bị cáo dùng thanh kim loại là then cửa nhà bếp của gia đình anh G để phá khóa cửa, sau đó lại khóa lại như bị cáo khai . Các bị hại chị Bùi thị N, anh Lưu Hồng G xác nhận lời khai của bị cáo H là đúng sự thật và xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện VKSND huyện L luận tội, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và trách nhiệm dân sự đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm b, khoản 2 Điều 138; điểm 0, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Điều 33 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 30 đến 36 tháng tù. Tổng hợp với 6 tháng tù tại bản án số 43/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, bị cáo pH chấp hành chung đối với hai bản án là từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tunhs từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/9/2017 nhưng được trừ đi những ngày tạm giữ từ 10/02/2017 đến 19/02/2017.

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999. Điều 106 BLTTHS

Tịch thu sung công 01 điện T1ại Nokia 1202 màu xanh. Giao cho Tòa án 01 quyển sổ để lưu hồ sơ vụ án.

Trả lại cho chị N anh G 01 cà lê bằng kim loại cỡ 32 màu trắng, 01 cà lê bằng kim loại cỡ 30 màu trắng; 01 thanh kim loại màu đen dài 30cm, đường kính 1cm, 1 đầu cong, 1 đầu có 02 lỗ; 01 thanh sắt màu đen dài 15cm, đường kính 1,2cm, có 02 lỗ cách nhau 7cm; 01 khóa cửa kích thước 5x6cm bằng kim loại màu trắng, trên quả khóa có nhiều vết lõm, bẹp; 01 kéo bằng kim loại dài 20cm, chỗ rộng nhất 5cm, màu vàng, sáng, đen.

- Về án phí: Bị cáo phạm tội pH chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai và xin Hội đồng xét xử ở mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong khoảng thời gian từ 27/7/2017 đến 02/9/2017, lợi dụng việc gia đình chị Bùi Thị N, anh Lưu Hồng G thường xuyên đi chợ vắng nhà. Bùi Văn H đã 07 lần phá khóa cửa đột nhập vào nhà anh G để trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân, trong đó có 01 lần trộm cắp xe mô tô và 06 lần trộm cắp tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày 27/7/2017, H trộm cắp của gia đình anh G số tiền 3.700.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 05 giờ ngày 28/7/2017, H trộm cắp của gia đình anh G số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 3: Cách lần 2 khoảng 5- 7 ngày, H trộm cắp của gia đình anh G số tiền 5.700.000 đồng.

Lần 4: H không nhớ ngày, H trộm cắp được của gia đình anh G số tiền 2.800.000 đồng.

Lần 5: Khoảng 05 giờ ngày 28/8/2017, H trộm cắp được của gia đình anh G số tiền 15.000.000 đồng.

Lần 6: Khoảng 05 giờ ngày 31/8/2017, H trộm cắp được của gia đình anh G số tiền 9.500.000 đồng.

Lần 7: Khoảng 06 giờ ngày 02/9/2017, H trộm cắp được của gia đình anh G 01 xe mô tô loại Wave RSX biển kiểm soát 98B1 – 04584, trị giá 8.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản do H trộm cắp là 47.100.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. H là người không có nghề nghiệp nên số tiền trộm cắp được, H sử dụng để chi tiêu cho cuộc sống của bản thân.

Hành vi trên của Bùi Văn H đã phạm tội " trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Như vậy bản cáo trạng số 86/KSĐT ngày 14/11/2017 của VKSND huyện L truy tố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng Pháp luật. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Có 4 hành vi bị cáo thực hiện khi bản án số 43/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L chưa có hiệu lực, có 3 hành vi bị cáo thực hiện thì bản án trên đã có hiệu lực nên pH chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo bị cáo tự viết giấy để lại tự thú hành vi phạm tội, quá trình giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm 0, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, khi phạm tội bị cáo rất táo bạo, phạm tội trong thời gian pH thi hành án. Do vậy cần bắt bị cáo pH bắt bị cáo pH cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo phạm tội có tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người L1 quan không yêu cầu gì nên tại phiên tòa hôm nay không đặt ra xem xét.

Vật chứng :

Đối với 01 quyển sổ 01 có ghi “Cô chú đừng báo công an, 5 ngày cháu mang tiền và xe về trả. Là cháu H, cháu đã lấy trộm, cháu xin cô chú” là chứng cứ vụ án và lưu được trong hồ sơ nên cần chuyển về Tòa án huyện L để lưu hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 75 BLTTHS 2003 và Điều 105 BLTTHS.

Chiếc điện T1 tại Nokia 1202 màu xanh bị cáo có được là do mua từ tiền trộm cắp nên cần tịch thu sung công. Các tài sản gồm 01 cà lê bằng kim loại cỡ 32 màu trắng, 01 cà lê bằng kim loại cỡ 30 màu trắng; 01 thanh kim loại màu đen dài 30cm, đường kính 1cm, 1 đầu cong, 1 đầu có 02 lỗ; 01 thanh sắt màu đen dài 15cm, đường kính 1,2cm, có 02 lỗ cách nhau 7cm; 01 khóa cửa kích thước 5x6cm bằng kim loại màu trắng, trên quả khóa có nhiều vết lõm, bẹp; 01 kéo bằng kim loại dài 20cm, chỗ rộng nhất 5cm, màu vàng, sáng, đen là của anh G chị N nên cần trả lại .

Về án phí: Bị cáo phạm tội pH chịu án phí theo luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 138; điểm 0, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Điều 33 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30 tháng tù. Tổng hợp với 6 tháng tù tại bản án số 43/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, bị cáo pH chấp hành chung đối với hai bản án là 36(ba sáu) tháng tù. Thời hạn tù tù từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/9/2017 nhưng được trừ đi những ngày tạm giữ từ 10/02/2017 đến 19/02/2017.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999. Điều 105, Điều 106 BLTTHS

-Tịch thu sung công 01 điện T1 tại Nokia 1202 màu xanh.

- Giao cho Tòa án 01 quyển sổ để lưu hồ sơ vụ án.

-Trả lại cho chị N anh G 01 cà lê bằng kim loại cỡ 32 màu trắng, 01 cà lê bằng kim loại cỡ 30 màu trắng; 01 thanh kim loại màu đen dài 30cm, đường kính 1cm, 1 đầu cong, 1 đầu có 02 lỗ; 01 thanh sắt màu đen dài 15cm, đường kính 1,2cm, có 02 lỗ cách nhau 7cm; 01 khóa cửa kích thước 5x6cm bằng kim loại màu trắng, trên quả khóa có nhiều vết lõm, bẹp; 01 kéo bằng kim loại dài 20cm, chỗ rộng nhất 5cm, màu vàng, sáng, đen.

3. Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333

BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt án.

Nơi nhận

- Tòa án Tỉnh, VKS tỉnh
- VKSND huyện;
- Công an huyện L
- Chi cục THADS huyện;
- Trại giam công an tỉnh.
- Bị cáo
- UBND xã nơi bị cáo cư trú..
- HS vụ án- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đặng Văn Bảo